



**Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ
Mirae Asset Prévoir**

Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

31/GP/KDBH

ngày 17 tháng 3 năm 2005

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 31/GPĐC10/KDBH ngày 8 tháng 5 năm 2018. Giấy phép thành lập và Hoạt động do Bộ Tài chính cấp và có hiệu lực trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

Hội đồng Thành viên

Ông Khamsaya Soukhavong	Chủ tịch (từ ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Ko Young Wan	Chủ tịch (đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Bà Patricia Lacoste	Thành viên
Ông Alferieff Ballhausen	Thành viên
Miguel Angel	Thành viên
Ông Oh Eun Sang	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Cho Sungsik	Thành viên (từ ngày 23 tháng 1 năm 2024)
Ông Bae Su Dong	Thành viên (từ ngày 23 tháng 1 năm 2024)
Ông Khamsaya Soukhavong	Thành viên
Ông Seol Kyung Suk	Thành viên (đến ngày 23 tháng 1 năm 2024)
Ông Kim Jae Sik	Thành viên (đến ngày 23 tháng 1 năm 2024)

Ban Giám Đốc

Ông Khamsaya Soukhavong	Tổng Giám Đốc (từ ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Ko Young Wan	Tổng Giám Đốc (đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Oh Eun Sang	Giám đốc Tài chính (từ ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Khamsaya Soukhavong	Giám đốc Tài chính (đến ngày 16 tháng 4 năm 2021)
Bà Trương Thị Diệu Thanh	Giám đốc Nghiệp vụ
Bà Võ Phạm Tú Cẩm	Giám đốc Nhân sự và Hành chính
Ông Nguyễn Quang Huy	Chuyên gia tính phí được chỉ định
Ông Bùi Ngọc Long	Giám đốc các kênh phân phối (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Khamsaya Soukhavong

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký Tầng 6A và 8, Tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng
436 – 438 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Khamanya Soukhavong
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

2-6
1A
Y1
VI
10'



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Các Nhà Đầu tư Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 19 tháng 3 năm 2024.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00009-25-01



Hà Vũ Đình
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.872.078.216.053	1.979.674.957.929
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	373.069.625.381	322.302.546.972
Tiền	111		93.069.625.381	137.302.546.972
Các khoản tương đương tiền	112		280.000.000.000	185.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.176.068.886.107	1.373.446.859.211
Đầu tư ngắn hạn	121		1.176.068.886.107	1.373.446.859.211
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	212.724.677.358	182.308.564.449
Phải thu của khách hàng	131		25.307.907.879	24.765.872.353
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>		<i>24.227.113.213</i>	<i>24.156.200.253</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>131.2</i>		<i>1.080.794.666</i>	<i>609.672.100</i>
Trả trước cho người bán	132		4.102.988.176	4.300.246.000
Các khoản phải thu khác	135		183.313.781.303	153.242.446.096
Tài sản ngắn hạn khác	150		110.215.027.207	101.616.987.297
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	110.215.027.207	101.616.987.297
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.632.522.474.182	1.634.606.894.072
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.141.144.685	47.266.970.643
Phải thu dài hạn khác	218	8	20.141.144.685	47.266.970.643
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	<i>218.1</i>		<i>15.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>218.2</i>		<i>5.141.144.685</i>	<i>32.266.970.643</i>
Tài sản cố định	220		57.807.938.128	54.280.456.189
Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.626.308.973	5.814.650.958
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>24.377.976.224</i>	<i>23.479.925.224</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>		<i>(20.751.667.251)</i>	<i>(17.665.274.266)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	10	51.480.099.155	39.093.171.838
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>183.545.892.800</i>	<i>164.930.608.110</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229</i>		<i>(132.065.793.645)</i>	<i>(125.837.436.272)</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	2.701.530.000	9.372.633.393
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	1.534.547.827.833	1.426.752.484.077
Đầu tư dài hạn khác	258		1.534.547.827.833	1.426.752.484.077
Tài sản dài hạn khác	260		20.025.563.536	106.306.983.163
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	20.025.563.536	106.306.983.163
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.504.600.690.235	3.614.281.852.001

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		1.027.791.901.761	1.174.600.673.245
Nợ ngắn hạn	310		222.281.886.090	267.912.012.243
Phải trả cho người bán	312	14	64.587.985.162	58.552.693.695
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>312.1</i>		<i>64.587.985.162</i>	<i>58.552.693.695</i>
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15	39.899.784.088	61.462.494.846
Chi phí phải trả	316	16	43.236.599.291	16.783.444.339
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	18.318.392.870	35.494.453.076
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.1	17(b)	56.239.124.679	91.066.879.137
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	4.552.047.150
Nợ dài hạn	330		805.510.015.671	906.688.661.002
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		3.963.142.050	61.477.821.504
Dự phòng nghiệp vụ	344	18	801.546.873.621	845.210.839.498
<i>Dự phòng toán học</i>	<i>344.1</i>		<i>679.788.444.815</i>	<i>721.904.028.157</i>
<i>Dự phòng phí chưa được hưởng</i>	<i>344.2</i>		<i>108.578.518.067</i>	<i>110.313.205.348</i>
<i>Dự phòng bồi thường</i>	<i>344.3</i>		<i>4.681.215.474</i>	<i>5.391.729.751</i>
<i>Dự phòng đảm bảo cân đối</i>	<i>344.5</i>		<i>7.276.112.955</i>	<i>6.271.079.127</i>
<i>Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết</i>	<i>344.7</i>		<i>1.222.582.310</i>	<i>1.330.797.115</i>
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		2.476.808.788.474	2.439.681.178.756
Vốn chủ sở hữu	410	19	2.476.808.788.474	2.439.681.178.756
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.158.000.000.000	2.158.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		21.000.000.000	21.000.000.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		28.124.885.570	26.268.505.084
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		269.683.902.904	234.412.673.672
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>234.412.673.672</i>	<i>5.343.602.260</i>
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>35.271.229.232</i>	<i>229.069.071.412</i>
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.504.600.690.235	3.614.281.852.001

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2024	1/1/2024
		VND	VND
Cam kết thuê hoạt động (VND)	31	13.361.464.090	25.578.990.625
Ngoại tệ			
- Đô la Mỹ (USD)		5.476,56	437,30
- Euro (EUR)		407,89	418,81

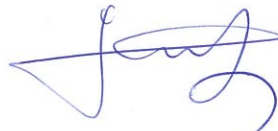
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Oh Eun Sang
Giám đốc tài chính

Người duyệt:



Khamsaya Soukhavong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

	Mã số	2024 VND	2023 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	392.733.579.013	546.813.108.526
Doanh thu hoạt động tài chính	12	178.766.498.337	206.348.559.439
Thu nhập khác	13	4.814.318.988	52.779.477.308
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	217.986.713.146	128.563.859.471
Chi phí hoạt động tài chính	22	233.786.729	260.503.945
Chi phí bán hàng	23	128.043.031.103	229.789.387.526
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	130.518.975.024	143.735.087.729
Chi phí khác	25	33.541.327	345.113.586
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 22 – 23 – 24 – 25)	50	99.498.349.009	303.247.193.016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	62.370.739.291	62.070.371.525
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51)	60	37.127.609.718	241.176.821.491



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 – 01.3)	01		393.902.209.124	548.359.778.568
Trong đó:				
- <i>Phí bảo hiểm gốc</i>	01.1	20	392.167.521.843	556.144.790.238
- <i>(Giảm)/tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	01.3	18	(1.734.687.281)	7.785.011.670
Phí nhượng tái bảo hiểm	02	21	1.302.100.633	1.688.572.386
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		392.600.108.491	546.671.206.182
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		133.470.522	141.902.344
Trong đó:				
- <i>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</i>	04.1		133.470.522	141.902.344
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		392.733.579.013	546.813.108.526
Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	11		204.496.088.936	230.226.524.006
Thu phí bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		785.000.000	1.361.130.440
Giảm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13	18	(41.929.278.596)	(232.959.568.450)
Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13)	15	22	161.781.810.340	(4.094.174.884)
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2)	16	23	56.204.902.806	132.658.034.355
Trong đó:				
- <i>Chi hoa hồng bảo hiểm</i>	16.1		56.149.851.402	132.592.097.632
- <i>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>	16.2		55.051.404	65.936.723
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)	17		217.986.713.146	128.563.859.471
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 – 17)	18		174.746.865.867	418.249.249.055

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
(TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	22	24	178.766.498.337	206.348.559.439
Chi phí hoạt động tài chính	23	25	233.786.729	260.503.945
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (24 = 22 - 23)	24		178.532.711.608	206.088.055.494
Chi phí bán hàng	25	26	128.043.031.103	229.789.387.526
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	130.518.975.024	143.735.087.729
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 - 25 - 26)	30		94.717.571.348	250.812.829.294
Thu nhập khác	31	28	4.814.318.988	52.779.477.308
Chi phí khác	32		33.541.327	345.113.586
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.780.777.661	52.434.363.722
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		99.498.349.009	303.247.193.016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	62.370.739.291	62.070.371.525
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		37.127.609.718	241.176.821.491

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:


 Nguyễn Thanh Hà
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Oh Eun Sang
 Giám đốc tài chính

Người duyệt:


 Khamgsaya Soukhavong
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	253.063.945.864	460.039.541.795
Tiền chi trả cho bồi thường, quyền lợi bảo hiểm, hoa hồng và các chi phí khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm	02	(52.297.821.011)	(64.134.501.581)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(76.991.695.503)	(76.213.615.294)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(58.864.148.675)	(15.739.538.036)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.602.737.008	151.418.064.451
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(273.436.198.336)	(442.117.426.045)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(201.923.180.653)	13.252.525.290
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(13.138.242.297)	(24.602.640.068)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	34.930.000	62.590.000
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, mua công cụ nợ	23	(1.775.581.800.000)	(1.756.200.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tiền bán công cụ nợ	24	1.865.377.700.000	1.457.390.200.000
Tiền thu lãi	27	175.992.687.466	167.314.528.705
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	252.685.275.169	(156.035.321.363)
Lưu chuyển tiền thuần phát sinh trong năm (50 = 20 + 30)	50	50.762.094.516	(142.782.796.073)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	322.302.546.972	465.084.290.819
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	4.983.893	1.052.226
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	373.069.625.381	322.302.546.972

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Oh Eun Sang
Giám đốc tài chính

Người duyệt:



Kham Sava Soukhavong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir (“Công ty”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 31/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp vào ngày 17 tháng 3 năm 2005. Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, sau đó được điều chỉnh lần gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 31/GPDC10/KDBH ngày 8 tháng 5 năm 2018. Giấy phép Thành lập và Hoạt động có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (bao gồm sản phẩm bảo hiểm truyền thống, bảo hiểm liên kết đầu tư), bảo hiểm sức khỏe, kinh doanh tái bảo hiểm, thực hiện các hoạt động đầu tư và các hoạt động kinh doanh khác tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được mặc định là 12 tháng.

(d) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6A và 8, Tòa nhà Báo Sài Gòn Giải Phóng, 436-438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có một chi nhánh tại Tầng 9, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, Hà Nội.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 105 nhân viên (1/1/2024: 137 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt ở một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia hoặc các quyền tài phán khác ngoài Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không dành cho những người không có hiểu biết về các nguyên tắc và thông lệ kế toán của Việt Nam đối với các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ sách kế toán

Công ty sử dụng hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua trái phiếu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

(ii) Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác bao gồm chứng chỉ quỹ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu bảo hiểm và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu bảo hiểm và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào tình trạng quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ hai 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

(e) Ký quỹ bảo hiểm

Theo quy định của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 (“Nghị định 46”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán của Công ty bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ được rút toàn bộ khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Ký quỹ bảo hiểm được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------------------|-----------|
| ▪ Máy tính và các thiết bị khác | 4 – 5 năm |
| ▪ Đồ đạc và trang thiết bị | 5 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng | 3 – 4 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 11 năm.

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động triển khai mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí triển khai khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh. Chi phí triển khai đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá và ghi nhận trong xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi giai đoạn triển khai được hoàn thành.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí triển khai tài sản cố định vô hình chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.



(i) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc dưới hình thức chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc khoảng thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

(j) Phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác

Các khoản phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng kỹ thuật đối với các sản phẩm truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi và dự phòng cân đối. Phương pháp tính toán được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 (“Thông tư 67”) do Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 do Quốc hội thông qua và Nghị định 46. Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

- Dự phòng toán học là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần có thể được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.
- Dự phòng phí chưa được hưởng là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.
 - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
 - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR) chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.
- Dự phòng chia lãi là khoản dự phòng cho phần lãi tích lũy chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỷ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó.
- Dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ cho các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung đã được công ty trích lập theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư 67, chi tiết như sau:

- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị tài khoản của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng. Trong đó, dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng bằng 100% phí bảo hiểm rủi ro thu được trong kỳ của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung.
- Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết: Dự phòng này dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.
- Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ cho các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đã được công ty trích lập theo quy định của Nghị định 46 và Thông tư 67, chi tiết như sau:

- Dự phòng toán học là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.
- Trong mọi trường hợp, kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8 quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, tiết a, Khoản 2, Điều 35, Thông tư 67 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

- Dự phòng phí chưa được hưởng là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng này được tính theo các phương pháp quy định tại Khoản 2, Điều 35, Thông tư 67.
- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.
 - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
 - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR), được tính theo các phương pháp quy định tại tiết b, Điểm 1, Điều 36, Thông tư 67.
- Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Công ty.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Theo Nghị định 46, tỷ lệ được trích lập của quỹ dự trữ bắt buộc bằng năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty phân loại tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo yêu cầu và hướng dẫn của Thông tư 67.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm), cụ thể như sau:

- khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Công ty và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm mà bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm;
- khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trong trường hợp rủi ro bảo hiểm được hủy bỏ và cần thiết phải hoàn trả phí bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh.

(r) Hoạt động kinh doanh nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Các khoản có thể thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính phù hợp với các khoản bồi thường đã trả cho các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm và phù hợp với các hợp đồng tái bảo hiểm ký kết liên quan. Các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm không miễn trừ Công ty khỏi các nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

Tài sản hoặc công nợ tái bảo hiểm được ghi giảm khi các quyền theo hợp đồng bị hủy bỏ hoặc hết hiệu lực, hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho một bên khác.

(s) Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm

Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm bao gồm khoản bồi thường đáo hạn, quyền lợi bằng tiền chi trả định kỳ, giá trị hoàn lại, chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và tử vong. Quyền lợi bảo hiểm đáo hạn được ghi nhận như là chi phí tại ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi bằng tiền chi trả định kỳ được ghi nhận khi các khoản thanh toán định kỳ khi đến hạn thanh toán. Giá trị hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thanh toán và chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và tử vong được ghi nhận khi được phê duyệt.

(t) Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với Thông tư 67.

(u) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi từ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi, tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm và trái phiếu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc công ty, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(x) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm không được trình bày trong báo cáo tài chính này nghĩa là số dư bằng không.

(y) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	93.069.625.381	137.302.546.972
Các khoản tương đương tiền	280.000.000.000	185.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>373.069.625.381</u>	<u>322.302.546.972</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 0,50% đến 4,70% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: từ 2,30% đến 3,75%).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.176.068.886.107	1.217.265.481.090
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	-	100.000.000.000
▪ Trái phiếu Chính phủ	-	56.181.378.121
	1.176.068.886.107	1.373.446.859.211

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có gốc bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và hưởng lãi suất năm từ 4,10% đến 8,60% (1/1/2024: từ 4,30% đến 9,80%).

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu khách hàng	25.307.907.879	24.765.872.353
▪ Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	24.193.900.554	24.033.975.508
▪ Phải thu tái bảo hiểm	33.212.659	122.224.745
▪ Phải thu khác	1.080.794.666	609.672.100
Trả trước cho người bán	4.102.988.176	4.300.246.000
Phải thu ngắn hạn khác	183.313.781.303	153.242.446.096
▪ Lãi phải thu từ trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	102.441.006.721	73.136.261.663
▪ Tạm ứng cho nhân viên	880.100.000	1.264.500.000
▪ Phải thu từ đối tác	76.096.272.472	76.096.272.472
▪ Các khoản phải thu khác	3.896.402.110	2.745.411.961
	212.724.677.358	182.308.564.449

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trả trước cho các đối tác	28.951.316.432	17.221.482.707
Trả trước cho hoạt động bảo hiểm	76.181.990.000	78.236.300.000
Trả trước dịch vụ công nghệ thông tin	4.824.241.357	5.624.853.779
Khác	257.479.418	534.350.811
	110.215.027.207	101.616.987.297

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ký quỹ bảo hiểm (i)	15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải thu khác	5.141.144.685	32.266.970.643
▪ Tài sản ký quỹ, ký cược	2.222.500.850	2.274.915.850
▪ Phải thu lãi từ trái phiếu và khoản tiền gửi	2.918.643.835	29.992.054.793
	20.141.144.685	47.266.970.643

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 4,2% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: từ 2,9% đến 8,3%).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy tính và các thiết bị khác VND	Đồ đạc và trang thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	18.567.853.157	3.938.154.673	973.917.394	23.479.925.224
Tăng trong năm	1.111.660.000	-	-	1.111.660.000
Thanh lý	(213.609.000)	-	-	(213.609.000)
Số dư cuối năm	19.465.904.157	3.938.154.673	973.917.394	24.377.976.224
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	15.483.734.756	1.535.212.839	646.326.671	17.665.274.266
Khấu hao trong năm	2.406.615.162	800.980.611	92.406.212	3.300.001.985
Thanh lý	(213.609.000)	-	-	(213.609.000)
Số dư cuối năm	17.676.740.918	2.336.193.450	738.732.883	20.751.667.251
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.084.118.401	2.402.941.834	327.590.723	5.814.650.958
Số dư cuối năm	1.789.163.239	1.601.961.223	235.184.511	3.626.308.973

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 11.617 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 6.069 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Chi phí phát triển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	146.410.150.928	18.520.457.182	164.930.608.110
Tăng trong năm	1.069.425.000	-	1.069.425.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	17.545.859.690	-	17.545.859.690
Phân loại lại	17.006.098.753	(17.006.098.753)	-
Số dư cuối năm	182.031.534.371	1.514.358.429	183.545.892.800
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	123.398.139.285	2.439.296.987	125.837.436.272
Khấu hao trong năm	6.228.357.373	-	6.228.357.373
Phân loại lại	924.938.558	(924.938.558)	-
Số dư cuối năm	130.551.435.216	1.514.358.429	132.065.793.645
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	23.012.011.643	16.081.160.195	39.093.171.838
Số dư cuối năm	51.480.099.155	-	51.480.099.155

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 121.271 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 119.356 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	9.372.633.393	2.531.636.078
Tăng trong năm	10.874.756.297	20.053.734.957
Chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 10)	(17.545.859.690)	(13.212.737.642)
Số dư cuối năm	2.701.530.000	9.372.633.393

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phần mềm máy vi tính	2.701.530.000	9.372.633.393

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trái phiếu doanh nghiệp (i)	982.581.800.000	740.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ (ii)	96.966.027.833	96.752.484.077
Chứng chỉ quỹ (iii)	200.000.000.000	200.000.000.000
▪ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
▪ Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam	170.000.000.000	170.000.000.000
Tiền gửi dài hạn (iv)	255.000.000.000	390.000.000.000
	1.534.547.827.833	1.426.752.484.077

- (i) Tại 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp này có kỳ hạn gốc từ 5 năm đến 15 năm và có kỳ hạn còn lại trên 1 năm và hưởng lãi suất năm từ 5,78% đến 8,70% (1/1/2024: từ 6,35% đến 8,7%).
- (ii) Tại 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ này có kỳ hạn gốc từ 5 năm đến 15 năm và có kỳ hạn còn lại trên 1 năm và hưởng lãi suất năm từ 7,00% đến 7,60% (1/1/2024: từ 7,00% đến 7,60%).
- (iii) Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở đầu tư 100% vào các chứng khoán tại thị trường Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam). Quỹ được cấp phép chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 20 tháng 5 năm 2019 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở đầu tư vào các trái phiếu và các công cụ tiền tệ tại thị trường Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam). Quỹ được cấp phép chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 20 tháng 9 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- (iv) Tại 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi dài hạn này có gốc bằng VND và có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm từ 6,15% đến 7,20% (1/1/2024: từ 7,05% đến 10,0%).

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chí phí trả trước dài hạn**

2024	Chi phí hoa hồng và chi phí hỗ trợ trả trước VND	Công cụ dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	104.225.048.490	2.081.934.673	106.306.983.163
Tăng trong năm	-	1.347.755.000	1.347.755.000
Phân bổ trong năm	(85.492.534.018)	(2.136.640.609)	(87.629.174.627)
Số dư cuối năm	18.732.514.472	1.293.049.064	20.025.563.536

14. Phải trả cho người bán

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm gốc	64.101.416.229	57.895.038.072
▪ Phải trả chi phí đáo hạn và các quyền lợi bảo hiểm khác	54.172.818.361	49.733.686.269
▪ Phải trả hoa hồng bảo hiểm	3.693.097.750	4.760.939.892
▪ Phải trả khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm	6.235.500.118	3.400.411.911
Phải trả về hợp đồng tái bảo hiểm	486.568.933	657.655.623
▪ Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	486.568.933	657.655.623
	64.587.985.162	58.552.693.695

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập cá nhân	2.054.631.917	13.718.614.704	(13.844.073.512)	1.929.173.109
Thuế giá trị gia tăng	1.990.344	47.054.907	(48.743.195)	302.056
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.864.148.675	37.875.047.779	(58.864.148.675)	37.875.047.779
Các loại thuế khác	541.723.910	227.685.448	(674.148.214)	95.261.144
	61.462.494.846	51.868.402.838	(73.431.113.596)	39.899.784.088

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chương trình phát triển kênh phân phối	18.740.907.779	16.783.444.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2023	24.495.691.512	-
	<hr/>	<hr/>
	43.236.599.291	16.783.444.339

17. Các khoản phải trả ngắn hạn khác và doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả chi phí kinh doanh bảo hiểm	6.929.026.017	13.381.730.537
Phải trả lương hiệu quả	6.082.529.603	11.791.963.718
Phải trả trợ cấp thôi việc	3.226.603.035	3.715.604.710
Phải trả phí tư vấn	1.452.094.242	3.058.545.000
Phải trả khác	628.139.973	3.546.609.111
	<hr/>	<hr/>
	18.318.392.870	35.494.453.076

(b) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phí bảo hiểm nhận trước	17.717.548.633	62.508.702.049
Phí bảo hiểm tạm thu chờ phê duyệt	38.521.576.046	28.558.177.088
	<hr/>	<hr/>
	56.239.124.679	91.066.879.137

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Dự phòng nghiệp vụ

	Dự phòng toán học (ii) VND	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng bồi thường (i) VND	Dự phòng bảo đảm cân đối VND	Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	957.627.970.341	102.528.193.678	5.560.593.602	3.207.976.167	1.460.662.490	1.070.385.396.278
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(235.723.942.184)	7.785.011.670	(168.863.851)	3.063.102.960	(129.865.375)	(225.174.556.780)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	721.904.028.157	110.313.205.348	5.391.729.751	6.271.079.127	1.330.797.115	845.210.839.498
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(42.115.583.342)	(1.734.687.281)	(710.514.277)	1.005.033.828	(108.214.805)	(43.663.965.877)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	679.788.444.815	108.578.518.067	4.681.215.474	7.276.112.955	1.222.582.310	801.546.873.621

(i) Chi tiết dự phòng bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự phòng IBNR	2.379.164.254	2.324.824.633
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết	2.302.051.220	3.066.905.118
	4.681.215.474	5.391.729.751

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Biến động dự phòng toán học trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Dự phòng toán học cho sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống
Dự phòng toán học cho sản phẩm bảo hiểm nhân thọ từ kỳ

Tổng

	1/1/2024 VND	Biến động trong năm VND	31/12/2024 VND
	53.630.995.985	(8.408.975.663)	45.222.020.322
	668.273.032.172	(33.706.607.679)	634.566.424.493
	721.904.028.157	(42.115.583.342)	679.788.444.815

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Dự phòng toán học cho sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống
Dự phòng toán học cho sản phẩm bảo hiểm nhân thọ từ kỳ

Tổng

	1/1/2023 VND	Biến động trong năm VND	31/12/2023 VND
	66.308.294.037	(12.677.298.052)	53.630.995.985
	891.319.676.304	(223.046.644.132)	668.273.032.172
	957.627.970.341	(235.723.942.184)	721.904.028.157

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
 ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	2.158.000.000.000	21.000.000.000	14.160.755.005	5.343.602.260	2.198.504.357.265
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	241.176.821.491	241.176.821.491
Trích lập quỹ dự trữ bất buộc	-	-	12.107.750.079	(12.107.750.079)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.158.000.000.000	21.000.000.000	26.268.505.084	234.412.673.672	2.439.681.178.756
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	37.127.609.718	37.127.609.718
Trích lập quỹ dự trữ bất buộc	-	-	1.856.380.486	(1.856.380.486)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.158.000.000.000	21.000.000.000	28.124.885.570	269.683.902.904	2.476.808.788.474

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir Vie Groupe Prévoir Scor Global Life	1.079.000.000.000	50,00	1.079.000.000.000	50,00
	987.813.710.000	45,77	987.813.710.000	45,77
	91.186.290.000	4,23	91.186.290.000	4,23
	2.158.000.000.000	100,00	2.158.000.000.000	100,00

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset, Prévoir Vie Groupe Prévoir và Scor Global Life lần lượt được thành lập tại Hàn Quốc, Pháp và Mỹ.

20. Doanh thu phí bảo hiểm gốc

	2024 VND	2023 VND
<i>Doanh thu phí bảo hiểm gốc từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trực tiếp</i>		
▪ Bảo hiểm tử kỳ	316.602.153.447	498.861.905.507
▪ Bảo hiểm liên kết chung	69.994.980.396	49.676.523.515
▪ Các sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ	4.674.010.000	4.335.845.270
▪ Bảo hiểm hỗn hợp	4.023.103.000	5.104.424.946
▪ Bảo hiểm sức khỏe	(108.930.000)	280.776.000
	395.185.316.843	558.259.475.238
<i>Loại trừ hoàn phí bảo hiểm</i>		
▪ Hoàn phí bảo hiểm	(3.017.795.000)	(2.114.685.000)
	392.167.521.843	556.144.790.238

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Phí nhượng tái bảo hiểm**

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm tử kỳ	257.819.191	284.809.873
Bảo hiểm liên kết chung	124.529.846	421.818.334
Các sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ	908.882.537	926.492.506
Bảo hiểm hỗn hợp	608.929	365.170
Bảo hiểm sức khỏe	10.260.130	55.086.503
	<hr/>	<hr/>
	1.302.100.633	1.688.572.386

22. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm

	2024 VND	2023 VND
Chi phí bồi thường và trả tiền bảo hiểm	204.496.088.936	230.226.524.006
▪ Chi trả đáo hạn	150.559.070.114	137.225.061.259
▪ Chi giải ước toàn bộ	41.599.394.237	68.416.697.494
▪ Chi giải ước một phần	2.617.918.642	5.146.304.573
▪ Chi bồi thường	9.276.137.219	18.894.255.876
▪ Chi thường duy trì hợp đồng	443.568.724	544.204.804
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(785.000.000)	(1.361.130.440)
(Giảm)/tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(41.929.278.596)	(232.959.568.450)
▪ Dự phòng toán học (Thuyết minh 18)	(42.115.583.342)	(235.723.942.184)
▪ Dự phòng bồi thường (Thuyết minh 18)	(710.514.277)	(168.863.851)
▪ Dự phòng đảm bảo cân đối (Thuyết minh 18)	1.005.033.828	3.063.102.960
▪ Dự phòng đảm bảo lãi suất cân đối (Thuyết minh 18)	(108.214.805)	(129.865.375)
	<hr/>	<hr/>
	161.781.810.340	(4.094.174.884)

23. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	2024 VND	2023 VND
Chi phí hoa hồng từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	56.149.851.402	132.592.097.632
Phí giao dịch	16.857.704	8.762.023
Các chi phí khác	38.193.700	57.174.700
	56.204.902.806	132.658.034.355

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	106.344.875.340	127.883.341.066
Thu nhập lãi từ đầu tư trái phiếu	72.159.206.850	78.187.136.901
Phân bổ chiết khấu trái phiếu	214.101.055	214.672.808
Thu nhập lãi chênh lệch tỷ giá	6.232.185	40.685.401
Thu nhập lãi thu từ tạm ứng từ giá trị hoàn lại	42.082.907	22.723.263
	178.766.498.337	206.348.559.439

25. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lưu ký chứng khoán	174.928.475	198.443.066
Phân bổ phụ trội trái phiếu	4.235.420	27.055.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá	54.622.834	35.005.432
	233.786.729	260.503.945

26. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí hoạt động khuyến mãi, tiếp thị và phát triển thị trường	53.595.826.215	121.676.215.243
Chi phí đào tạo kênh phân phối	30.509.503.364	55.224.641.863
Chi phí hỗ trợ	22.482.712.210	17.075.986.917
Chi phí nhân viên	20.655.449.246	20.594.909.095
Chi phí phát triển mạng lưới kinh doanh	1.918.615.624	2.951.207.461
Chi phí quà tiếp thị	1.140.036.696	4.084.013.111
Chi phí công cụ và dụng cụ	937.121.989	2.018.569.270
Chi phí liên lạc	814.184.789	1.169.522.197
Chi phí thực địa và tổ chức hội nghị khách hàng	-	3.813.001.524
Chi phí khấu hao	404.187.501	646.789.864
Hoàn nhập chi phí kinh doanh bảo hiểm	(4.414.606.531)	-
Chi phí bán hàng khác	-	534.530.981
	128.043.031.103	229.789.387.526

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	81.413.032.848	77.157.490.894
Chi phí bảo dưỡng hệ thống thông tin	16.958.677.001	13.171.033.362
Chi phí thuê văn phòng	11.799.177.989	10.529.322.907
Chi phí khấu hao	9.124.171.857	7.859.323.421
Chi phí đi lại	2.897.725.121	1.895.734.122
Chi phí dịch vụ thuê ngoài hệ thống thông tin	1.127.683.500	1.612.593.604
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.043.163.266	1.206.049.166
Chi phí tiện ích	1.012.363.736	2.129.172.473
Chi phí liên lạc	861.692.822	1.508.101.086
Chi phí tư vấn	524.045.784	15.476.957.155
Chi phí khác	3.757.241.100	11.189.309.539
	130.518.975.024	143.735.087.729

28. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	34.930.000	62.590.000
Phải thu bồi thường thiệt hại từ đối tác	4.729.435.456	-
Bồi thường nhận được từ việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm độc quyền với NCB (*)	-	52.566.984.145
Thu nhập khác	49.953.532	149.903.163
	4.814.318.988	52.779.477.308

(*) Tiền thu bồi thường từ thỏa thuận chấm dứt trước hạn hợp đồng đại lý độc quyền phân phối sản phẩm với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (“NCB”) theo thỏa thuận số 001/EDA/PVN-NCB/2016.

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	37.875.047.779	61.092.191.427
Dự phòng thiếu trong những năm trước	24.495.691.512	978.180.098
	62.370.739.291	62.070.371.525

(b) Đối chiếu thuế suất hiện hành

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	99.498.349.009	303.247.193.016
	19.899.669.802	60.649.438.603
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.899.669.802	60.649.438.603
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.228.193.200	414.284.347
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.747.184.777	28.468.477
Dự phòng thiếu trong những năm trước	24.495.691.512	978.180.098
	62.370.739.291	62.070.371.525

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% trên thu nhập tính thuế. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp cần phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

(a) Số dư với các bên liên quan

	Phải thu tại ngày	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty góp vốn</i> Scor Global Vie Life Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	122.224.745

(b) Giao dịch với các bên liên quan

	2024	2023
	VND	VND
<i>Công ty góp vốn</i> Scor Global Vie Life Phí bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	82.455.074
Thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác	20.915.041.028	17.532.153.253

31. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	7.759.992.340	9.843.942.300
Từ một đến năm năm	5.601.471.750	15.735.048.325
	13.361.464.090	25.578.990.625

32. Cơ chế quản lý rủi ro

(a) Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính của Công ty là nhằm đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định, Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Ban Giám đốc. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Thành viên đến Ban Giám đốc và các quản lý cấp cao khác.

Công ty chủ động quản lý tài sản của mình bằng cách sử dụng phương pháp xem xét chất lượng tài sản/tín dụng, đa dạng hóa, phù hợp giữa tài sản nợ và có, quản lý thanh khoản và quản lý kỳ hạn để đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư. Mục tiêu của quá trình đầu tư là đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư với mức độ biến động tối thiểu, Công ty đánh giá và phê duyệt định kỳ danh mục đầu tư theo mục tiêu xác định, thiết lập, hướng dẫn nguyên tắc và các hạn mức đầu tư và giám sát quy trình quản lý tài sản.

Công ty thiết lập danh mục tài sản mục tiêu cho từng loại sản phẩm bảo hiểm chính theo yêu cầu quản lý riêng, Chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản dựa trên năng lực, thời gian, độ nhạy cảm, rủi ro thị trường, tính biên động, tính thanh khoản, mức độ tập trung tài sản, tỷ giá và chất lượng tín dụng. Các ước tính và giả định được sử dụng trong việc xác định số tiền và thời hạn thanh toán cho chủ hợp đồng bảo hiểm được đánh giá lại một cách thường xuyên. Đa số những ước tính và giả định đề ra luôn có yếu tố chủ quan và do đó có thể tác động đến khả năng và mục tiêu quản lý tài sản.

(b) Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Yêu cầu về khả năng thanh toán phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty, theo đó Công ty phải duy trì nguồn tài sản vừa đủ để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định bởi Bộ Tài chính.

Các cơ quan quản lý luôn quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của khách hàng. Các cơ quan quản lý yêu cầu các công ty bảo hiểm phải duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên. Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Công ty và biên khả năng thanh toán tối thiểu:

	Biên khả năng thanh toán của Công ty Triệu VND	Biên khả năng thanh toán tối thiểu Triệu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.235.723	69.721	3.207%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.126.071	86.786	2.450%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Công ty được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính, là một chỉ số về khả năng thanh toán chung của hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

(c) Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Công ty tái bảo hiểm một phần rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc thù rủi ro. Đối với thỏa thuận tái bảo hiểm mức dôi, số tiền bảo hiểm giữ lại đối với mỗi người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm tử kỳ và bảo hiểm tử kỳ dư nợ tín dụng cá nhân là 1 tỷ đồng; và đối với mỗi người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung là 2 tỷ đồng.

Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, nhà tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả khoản tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ.

33. Quản trị rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tử vong, tai nạn, sức khỏe của người được bảo hiểm hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Theo đó, Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Công tác quản trị rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng nhằm mục tiêu quản lý các rủi ro bảo hiểm nói trên cũng như tối đa hoá lợi nhuận của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Đối với các sản phẩm bảo hiểm truyền thống, dự phòng bảo hiểm được tính chung trên cơ sở phí điều chỉnh bảo hiểm ròng, phí bảo hiểm ròng được điều chỉnh bởi hệ số điều chỉnh Zillmer hoặc phí bảo hiểm gộp điều chỉnh. Phí bảo hiểm thuần là mức phí phải trả trong thời gian đóng phí mà giá trị hiện tại tại thời điểm bắt đầu hợp đồng đủ bù đắp cho giá trị hiện tại của các quyền lợi bảo hiểm được đảm bảo tại thời điểm đáo hạn hay khi xảy ra rủi ro bảo hiểm. Dự phòng bảo hiểm khi đó sẽ được tính bằng cách trừ giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần điều chỉnh trong tương lai khỏi giá trị hiện tại của các nghĩa vụ được đảm bảo đã đáo hạn hoặc trong trường hợp xảy ra rủi ro được bảo hiểm (như tử vong, thương tật) tính đến ngày báo cáo. Dự phòng được coi là bằng không trong trường hợp tính theo phương pháp và cơ sở nêu trên cho ra kết quả là số âm. Cơ sở phí bảo hiểm thuần điều chỉnh không tính đến việc dừng hợp đồng từ phía bên mua bảo hiểm vì nếu xem xét cả yếu tố này có thể dẫn đến giảm dự phòng bảo hiểm.

Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, dự phòng bảo hiểm được xác định bằng giá trị tài khoản của tất cả các hợp đồng còn hiệu lực, cộng thêm phần dự phòng cho các rủi ro bảo hiểm còn hiệu lực, dự phòng theo phương pháp dòng tiền và dự phòng cho khoản thưởng duy trì hợp đồng.

Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được áp dụng với các rủi ro của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một (1) năm trở xuống.



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - Sản phẩm truyền thống

Đặc điểm cơ bản của sản phẩm bảo hiểm truyền thống là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng.

Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - các sản phẩm liên kết chung

Công ty hiện đang cung cấp các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung. Công ty hiện tại đang cung cấp hai nhóm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung: sản phẩm bảo hiểm liên kết chung đóng phí một lần và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung đóng phí định kỳ.

Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu cho sản phẩm này không thấp hơn 3,5% (cho một số sản phẩm liên kết chung được thiết kế ở giai đoạn trước) hoặc 2% (cho sản phẩm liên kết chung được thiết kế trong giai đoạn gần đây). Trong trường hợp người tham gia bảo hiểm tử vong, và khi hợp đồng đáo hạn, người tham gia hợp đồng bảo hiểm được nhận lãi đầu tư theo tỷ lệ lãi suất đầu tư của năm trước năm xảy ra sự kiện bảo hiểm hay năm đáo hạn hoặc không nhận được lãi đầu tư phát sinh từ ngày đầu tiên của năm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định trong Quy tắc điều khoản hợp đồng của mỗi sản phẩm bảo hiểm liên kết chung. Trong trường hợp người bảo hiểm yêu cầu giải ước trước ngày đáo hạn hoặc ngoài sự kiện bảo hiểm, người tham gia hợp đồng bảo hiểm được nhận lãi đầu tư theo tỷ lệ lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu hoặc không nhận được lãi đầu tư phát sinh từ ngày đầu tiên của năm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định trong Quy tắc điều khoản hợp đồng của mỗi sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Công ty sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản quỹ.

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

▪ Quy trình xây dựng các giả định

Quy trình được sử dụng để xác định các giả định nhằm đưa ra các ước tính ổn định và thận trọng về kết quả trong tương lai. Điều này được đảm bảo bằng cách áp dụng các giả định ước tính tốt nhất có đo lường đến các biến động hợp lý trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện để đảm bảo tính hợp lý giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai. Các giả định được xem xét bao gồm giả định về xác suất xảy ra tổn thất và lãi suất đầu tư.

▪ Các giả định

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn:

- (i) Bảng tỷ lệ tử vong: Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 có điều chỉnh đang được sử dụng.
- (ii) Bảng phân loại bệnh tật: Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các căn bệnh nguy hiểm và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.
- (iii) Lãi suất kỹ thuật : Công ty đang sử dụng lãi suất tính toán là 2,0% đến 2,5%.

34. Các công cụ tài chính

Các giao dịch bằng công cụ tài chính có thể dẫn đến việc Công ty phải gánh chịu rủi ro tài chính. Chúng bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Mỗi rủi ro tài chính này được mô tả dưới đây, cùng với bản tóm tắt các cách thức Công ty quản lý những rủi ro này.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính do sự biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá cổ phần.

(i) Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa Đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá tỷ giá đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa USD và VND. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu được tính bằng VND, là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Do đó, Công ty không có rủi ro đáng kể về ngoại tệ.

(ii) Rủi ro lãi suất

Mức độ rủi ro thị trường của Công ty đối với những thay đổi về lãi suất được tập trung trong danh mục đầu tư của Công ty. Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định chiếm một phần đáng kể trong số các khoản đầu tư nắm giữ được quản lý chủ yếu để phù hợp với các khoản thanh toán nợ phải trả dự kiến. Công ty giám sát rủi ro này thông qua việc xem xét định kỳ mối tương quan giữa tài sản và các khoản nợ của mình.

Các ước tính về dòng tiền, cũng như tác động của biến động lãi suất liên quan đến danh mục đầu tư và dự phòng bảo hiểm, được lập mô hình và xem xét thường xuyên. Mục tiêu tổng thể của chiến lược đầu tư là hạn chế những thay đổi ròng trong giá trị tài sản và nợ phải trả do biến động lãi suất.

Đối với các sản phẩm truyền thống có quyền lợi khách hàng thân thiết và các sản phẩm liên kết chung, rủi ro lãi suất cũng có thể được giảm thiểu bằng cách chia sẻ nó với các chủ hợp đồng thông qua lãi tích lũy.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty là:

	31/12/2024 Giá trị ghi sổ VND	1/1/2024 Giá trị ghi sổ VND
Công cụ tài chính với lãi suất cố định		
Tiền và các khoản tương đương tiền	373.069.625.381	322.302.546.972
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.176.068.886.107	1.373.446.859.211
Ký quỹ bảo hiểm	15.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	821.966.027.833	856.752.484.077
Công cụ tài chính với lãi suất thả nổi		
Đầu tư tài chính dài hạn	512.581.800.000	370.000.000.000

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Rủi ro tín dụng

Công cụ có kỳ hạn cố định mà Công ty đang đầu tư (bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp) là đối tượng của rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khả năng tiềm tàng có thể xảy ra lỗ trên giá thị trường do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi. Mục tiêu của Công ty là đạt được lợi nhuận có tính cạnh tranh tương đối bằng cách đầu tư vào một danh mục đa dạng. Ban Giám đốc đã ban hành một chính sách tín dụng, trong đó các mức giới hạn được đặt ra để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

Công ty còn có những khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm và những khoản phải thu khác cũng phải chịu rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, cũng như xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Chi tiết về chất lượng tín dụng theo các loại tài sản cho tất cả các tài sản tài chính chịu rủi ro tín dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	373.069.625.381	322.302.546.972
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.176.068.886.107	1.373.446.859.211
Các khoản phải thu	25.307.907.879	24.765.872.353
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	182.433.681.303	151.977.946.096
Các khoản phải thu dài hạn khác	17.918.643.835	44.992.054.793
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.334.547.827.833	1.226.752.484.077
	3.109.346.572.338	3.144.237.763.502

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có bất kỳ tài sản tài chính nào quá hạn nhưng chưa bị giảm giá và tài sản tài chính quá hạn và bị suy giảm giá.



(c) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản được định nghĩa là sự không chắc chắn, xuất phát từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư hoặc tài trợ, về việc liệu doanh nghiệp bảo hiểm luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty hoặc đi vay tín dụng trong điều kiện không thuận lợi. Các chỉ số thanh khoản được sử dụng để quản lý cụ thể rủi ro thanh khoản, thiết lập các dung sai thích hợp để đảm bảo công ty có thể đáp ứng nhu cầu thanh khoản của mình trong trường hợp căng thẳng thanh khoản và thực hiện các nghĩa vụ pháp lý.

Thời gian đáo hạn theo hợp đồng

Các khoản nợ tài chính với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định có các kỳ hạn hợp đồng sau đây bao gồm các khoản thanh toán lãi ước tính:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả cho người bán	64.587.985.162	64.587.985.162	64.587.985.162
Chi phí phải trả	18.740.907.779	18.740.907.779	18.740.907.779
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.318.392.870	18.318.392.870	18.318.392.870
	101.647.285.811	101.647.285.811	101.647.285.811
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả cho người bán	58.552.693.695	58.552.693.695	58.552.693.695
Chi phí phải trả	16.783.444.339	16.783.444.339	16.783.444.339
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	35.494.453.076	35.494.453.076	35.494.453.076
	110.830.591.110	110.830.591.110	110.830.591.110

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với số tiền ghi sổ được thể hiện trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.176.068.886.107	(*)	1.373.446.859.211	(*)
▪ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.334.547.827.833	(*)	1.226.752.484.077	(*)
<i>Được phân loại thành các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	373.069.625.381	373.069.625.381	322.302.546.972	322.302.546.972
▪ Các khoản phải thu	25.307.907.879	(*)	24.765.872.353	(*)
▪ Các khoản phải thu ngắn hạn khác	182.433.681.303	(*)	151.977.946.096	(*)
▪ Các khoản phải thu dài hạn khác	17.918.643.835	(*)	44.992.054.793	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính có sẵn để bán:</i>				
▪ Chứng chỉ quỹ	200.000.000.000	261.320.960.769	200.000.000.000	237.202.002.038
<i>Được phân loại là các khoản nợ phải trả theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả cho người bán	(64.587.985.162)	(*)	(58.552.693.695)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(18.740.907.779)	(*)	(16.783.444.339)	(*)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(18.318.392.870)	(*)	(35.494.453.076)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Oh Eun Sang
Giám đốc tài chính

Người duyệt:



Kham Sava Soukhavong
Tổng Giám đốc

